

Bản án số: 57/2024/HSST
Ngày 26-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Mạnh Hùng** – Nguyên là giáo viên, Hiện nay, Phó chánh văn phòng UBND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

2. Ông **Nguyễn Thành Lâm** – Cán bộ nghỉ hưu xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm (Xét xử kín) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/02/2007 (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là 17 tuổi 02 tháng 12 ngày tuổi) tại huyện T, tỉnh P; nơi cư trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1984 và bà Phan Thị P, sinh năm 1982; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh P.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Đinh An D, sinh ngày 02/11/2007 (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là 16 tuổi 06 tháng 08 ngày tuổi) tại huyện T, tỉnh P; nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Đinh Thị Bích N, sinh năm 1986; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh P.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Là bố đẻ của bị cáo Q.(Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo D: Bà Đinh Thị Bích N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh P. Là mẹ đẻ của bị cáo D. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo K và bị cáo D: Ông Lê Thành C, sinh năm 1986 Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.(Có mặt)

Bị hại:

1. Cháu Đinh Trường A, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2008. Nơi cư trú: Khu 10, xã Đ, huyện T, tỉnh P. (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại cháu Đinh Trường A: Bà Bùi Trang P, sinh năm 1982 (là mẹ đẻ của cháu A). (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 10, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cháu Đinh Trường A: Ông Bùi Đức D, sinh năm 1981 Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.(Có mặt)

2. Cháu Tạ Ngọc A, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2008. Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại cháu Tạ Ngọc A: Ông Tạ Ngọc C, sinh năm 1982 (là bố đẻ của cháu A). (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P

3. Cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2008. Nơi cư trú: Khu 10, xã Đ, huyện T, tỉnh P. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại cháu Nguyễn Tấn D: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1988 (là mẹ đẻ của cháu D). (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh P. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Đinh Thị Bích N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh P.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 09/5/2024, Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/02/2007, trú tại: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh P đến trường THPT Tân Đà thuộc khu 3, xã Đ, huyện T để học, khi đến khu vực cổng trường K nhìn thấy một số học sinh để điện thoại vào cốp xe mô tô rồi gửi tại quán nước ở gần cổng trường (do nhà trường quy định không mang điện thoại vào lớp học). Sau khi tan học, K nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên rủ Đinh An D, sinh ngày 02/11/2007, trú tại: Khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh P (là bạn học cùng trường THPT Tân Đà) ngày hôm sau sẽ cùng nhau móc cốp xe mô tô để trộm cắp điện thoại nhưng D không đồng ý do sợ bị phát hiện. Đến khoảng 15 giờ, ngày 10/5/2024, D đến quán nước ở gần cổng trường, nhìn thấy có nhiều xe mô tô của học sinh để trước quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1976, trú

tại khu 3, xã Đ, huyện T không có ai trông giữ, D nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại trong cốp xe nên đã đi tìm và rủ K móc cốp xe lấy trộm điện thoại thì được K đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô, hiệu CUBIDONA, màu xanh- trắng, biển kiểm soát 19AK-012.32 chở K quay lại quán tạp hóa của bà O thì phát hiện có 02 chiếc xe mô tô dựng sát nhau trước cửa quán. Cả hai quan sát xung quanh thấy vắng người, D dừng xe trước cửa quán, đứng cạnh giới bên ngoài, K xuống xe đi bộ đến vị trí hai chiếc xe mô tô, dùng tay trái kéo yên xe lên, tay phải luồn vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu MOTOR THAI màu xanh, biển kiểm soát 19AK – 023.96 của cháu Tạ Ngọc A, sinh ngày 23/8/2008, trú tại: Khu 12, xã Đ, huyện T, tỉnh P lấy trộm được 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus màu đen, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng- đen, bên trong lắp sim số 0965.099.472 của cháu A rồi cầm ra đưa cho D. Sau đó, K quay vào tiếp tục móc cốp chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu xanh – đen, biển kiểm soát 19AK – 018.61 của cháu Đinh Trường A, sinh ngày 24/11/2008, trú tại: Khu 10, xã Đ, huyện T, tỉnh P lấy trộm 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đỏ, lắp sim số 0347.361.881, ốp lưng bằng nhựa màu đen, bên trong ốp lưng có 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng của cháu A và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng (không lắp sim) của cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 20/7/2008, trú tại: Khu 10, xã Đ, huyện T, tỉnh P (cháu D đi cùng xe và để nhờ điện thoại trong cốp xe của cháu A). K đút 02 điện thoại trộm cắp được vào túi quần rồi lên xe do D điều khiển rời đi. Sau khi trộm cắp được tài sản, K và D rủ nhau đi chơi bi-a, trên đường đi, D làm rơi chiếc điện thoại Iphone 8 plus xuống đường khiến màn hình điện thoại bị rạn nứt, D dừng xe nhặt điện thoại tháo vút bỏ ốp lưng, K tháo vút bỏ ốp lưng điện thoại Iphone 7 plus ở ven đường, lấy tờ tiền 100.000 đồng. Sau khi chơi bi-a, K lấy tờ tiền 100.000 đồng thanh toán tiền chơi bi – a hết 60.000 đồng, 40.000 đồng còn lại đổ xăng xe của D. K và D thống nhất đem bán chiếc điện thoại Iphone 6 và điện thoại Iphone 8 plus để tiêu sài, còn chiếc điện thoại Iphone 7 plus K giữ lại để sử dụng. D chở K đến cửa hàng điện thoại “Ngọc Mobile” ở khu 1, xã T, huyện T, tỉnh P do anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1985, trú tại: Khu 1, xã T, huyện T làm chủ để bán chiếc điện thoại Iphone 6, màu vàng, khi bán điện thoại, K nói với anh N là điện thoại để lâu không sử dụng nên quên mật khẩu. K bán cho anh N chiếc điện thoại với giá 150.000 đồng, chia cho D 50.000 đồng và giữ lại 100.000 đồng, cả hai đã tiêu sài hết số tiền này. Sau đó, D tiếp tục chở K đến cửa hàng điện thoại “Tuấn Tú Mobile” ở khu L, thị trấn T, do anh Đỗ Văn M, sinh năm 1991, trú tại” Phố L, thị trấn T, huyện T làm chủ để bán chiếc điện thoại Iphone 8 plus màu đen, D vào cửa hàng và gặp chị Chu Thị Mỹ L, sinh năm 2003, trú tại: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh P, là nhân viên được anh M thuê bán hàng, D nói với chị L điện thoại lâu không sử dụng nên quên mật khẩu và muốn bán. Chị L đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 300.000 đồng. Cả hai thống nhất D giữ lại 300.000 đồng không chia cho K, do K đã giữ điện thoại Iphone 7 plus, màu đỏ để sử dụng. D đã tiêu sài hết số tiền này. Sáng ngày 11/5/2024, K đem chiếc điện thoại Iphone 7 plus đến cửa hàng điện thoại “Công nghệ Mobile” ở khu 2, xã Đ, huyện T do anh Đinh Công N, sinh năm 2002 làm chủ để phá mật khẩu màn hình và đăng xuất tài khoản iCloud trong điện thoại, K nói với anh N do bị nhà trường thu điện thoại lâu nên bị quên mật khẩu, anh N phá khóa mật khẩu cho K với giá 350.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trung K giao nộp: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu đỏ, lắp sim số 0347.361.881, anh Nguyễn Bá N giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu vàng, anh Đỗ Văn M giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus, màu đen, lắp sim số 0965.099.472. Cơ quan điều tra không thu hồi được 02 chiếc ốp lưng điện thoại.

Ngày 16/5/2024, Cơ quan điều tra yêu cầu định giá đối với tài sản do K, D trộm cắp. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 21/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Thủy xác định: “Giá trị tài sản định giá 01 chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng, không lắp sim cần định giá là 600.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus, màu đỏ, lắp sim số 0347.361.881 cần định giá là 2.200.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus, màu đen, lắp sim số 0965.099.472 cần định giá là 3.000.000 đồng, 01 ốp lưng điện thoại Iphone 7plus cần định giá là 10.000 đồng, 01 ốp lưng điện thoại Iphone 8 plus cần định giá là 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 5.820.000 đồng”.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Trung K và Đinh Anh D trộm cắp của cháu Tạ Ngọc A, cháu Đinh Trường A và cháu Nguyễn Tấn D là 5.920.000 đồng.

Ngày 26/7/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại cháu Tạ Ngọc A 01 điện thoại Iphone 8 plus, màu đen, lắp sim số 0965.099.472; cháu Đinh Trường A 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đỏ, lắp sim số 0347.361.881; cháu Nguyễn Tấn D 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường 02 chiếc ốp lưng điện thoại, cháu A không yêu cầu sửa chữa màn hình bị rạn nứt. Bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D đã bồi thường cho cháu An số tiền 100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trung K và Đinh An D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của K, A phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ:

Tạm giữ của Đinh An D: 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu ghi, lắp sim số 0333.992.090, 01 xe mô tô nhãn hiệu CUBINDONA, màu xanh - trắng, biển kiểm soát 19AK – 012.32, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là của D, không liên quan đến hành vi phạm tội, chiếc xe mô tô là tài sản của chị Đinh Thị Bích N, sinh năm 1986, trú tại khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh P, (là mẹ đẻ của Đinh An D), chị N không biết D sử dụng xe đi thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại Iphone, màu ghi, lắp sim số 0333.992.090 cho Đinh An D và chiếc xe mô tô nhãn hiệu CUBINDONA, màu xanh - trắng, biển kiểm soát 19AK – 012.32 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị N.

Về xác minh tài sản: Các bị cáo hiện đang sinh sống cùng gia đình, hiện đang đi học, bản thân chỉ có đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản riêng có giá trị.

Bản Cáo trạng số: 55/CT-VKSTT ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trung Kiên và Đinh An Dương về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn

cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 91 và 100 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Trung K từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Trung K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

2. Bị cáo Đinh An D từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Đinh An D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đinh An D.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xác nhận về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng và buộc các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt thấp nhất cho các bị cáo vì các bị cáo còn đang đi học.

Người bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt thấp nhất cho các bị cáo vì các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội và nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo nhất trí với lời trình bày của người bào chữa và không bổ sung gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cháu Đinh Trường A: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

Các bị hại, người đại diện hợp pháp cho các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, các bị cáo đều đề nghị không hoãn phiên tòa mà tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy các bị hại, người đại diện hợp pháp cho các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/5/2024, tại khu 3, xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Trung K và Đinh An D đã có hành vi trộm cắp tài sản là 03 chiếc điện thoại và số tiền 100.000 đồng của các cháu Tạ Ngọc A, Đinh Trường A và Nguyễn Tấn D với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.920.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2.2] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mục đích của các bị cáo là trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên đã đi vào con đường phạm tội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, tạo nên tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc trông giữ, bảo vệ tài sản của mình. Các bị cáo và các bị hại là học sinh cùng trường học, do không làm chủ được bản thân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do đó cần xử phạt các bị cáo nghiêm minh, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân các bị cáo: Nguyễn Trung K và Đinh An D có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

Về vai trò: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D có vai trò như nhau bị cáo K rủ bị cáo D sẽ cùng nhau móc cáp xe mô tô để trộm cắp điện thoại nhưng bị cáo D không đồng ý sợ bị phát hiện. Sau đó thì bị cáo D lại rủ bị cáo K móc cáp xe lấy trộm điện thoại thì được bị cáo K đồng ý, sau đó cả hai bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đó là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D là người chưa thành niên phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại chương XII Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Từ những phân tích trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D là người còn trẻ, đang là học sinh, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D cũng đủ để các bị cáo nhận ra lỗi lầm, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[2.4] Về khấu trừ thu nhập và về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ và không áp hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 100, khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các bị hại trong vụ án là cháu Tạ Ngọc A, cháu Đinh Trường A và cháu Nguyễn Tấn D đều đã nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 100.000 đồng bị cáo Nguyễn Trung K và bị cáo Đinh An D đã bồi thường cho cháu A, cháu A không có yêu cầu đề nghị gì nên cần xác nhận.

Đối với số tiền 150.000 đồng và 300.000 đồng, anh N và chị L (Anh M) bỏ ra mua điện thoại của K, D, anh N và anh M không yêu cầu bị cáo K và bị cáo D phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết là phù hợp cần xác nhận.

[2.6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu ghi, lắp sim số 0333.992.090, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại là của D, không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo D là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu CUBINDONA, màu xanh - trắng, biển kiểm soát 19AK – 012.32 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của chị Nguyệt là tài

sản của chị Đinh Thị Bích N, sinh năm 1986, trú tại khu Đ, xã T, huyện T, tỉnh P, (là mẹ đẻ của Đinh An D), chị N không biết D sử dụng xe đi thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị N là phù hợp.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng là tài sản của cháu D; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, đã cũ, lắp sim số 0347.361.881 là tài sản của cháu A; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, đã cũ, bị vỡ nứt kính, lắp sim số 0965.099.472 là tài sản của cháu A, cần xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị hại. Đối với 02 chiếc ốp lưng điện thoại cháu A và cháu A không yêu cầu bị cáo K và bị cáo A phải bồi thường. Đối với màn hình chiếc điện thoại Iphone 8 Plus màu đen do bị cáo D làm rơi vỡ cháu A không yêu cầu các bị cáo phải sửa chữa, cần xác nhận.

[2.7] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Bá N, chị Chu Thị Mỹ L, là những người đã mua tài sản do K và D trộm cắp, nhưng khi mua bán tài sản, những người này không biết tài sản do K và D trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có đối với những người này là phù hợp.

Đối với anh Đinh Công N, thực hiện phá khóa điện thoại do K, D trộm cắp được nhưng không biết hành vi phạm tội của K, D nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[2.8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trung K và bị cáo Đinh An D phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[2.9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, các bị hại, người đại diện hợp pháp cho các bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2.10] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 91 và Điều 100 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Trung K 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Trung K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo đúng quy định về thi hành án phạt cải tạo không giam giữ của Luật thi hành án hình sự. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

2. Bị cáo Đinh An D 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Đinh An D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo đúng quy định về thi hành án phạt cải tạo không giam giữ của Luật thi hành án hình sự. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đinh An D.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xác nhận các bị hại trong vụ án là cháu Tạ Ngọc A, cháu Đinh Trường A và cháu Nguyễn Tấn D đã nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Trung K và bị cáo Đinh An D đã bồi thường cho cháu A số tiền 100.000 đồng, cháu A không có yêu cầu đề nghị gì.

Xác nhận anh N và anh M không yêu cầu K và D phải bồi thường số tiền 150.000 đồng và 300.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu ghi, lắp sim số 0333.992.090.

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu CUBINDONA, màu xanh - trắng, biển kiểm soát 19AK – 012.32 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị Đinh Thị Bích N.

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng cho cháu D; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, đã cũ, lắp sim số 0347.361.881 cho cháu A; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, đã cũ, bị vỡ nứt kính, lắp sim số 0965.099.472 cho cháu A, Xác nhận cháu A và cháu A không yêu cầu bồi thường 02 chiếc ốp lưng điện thoại. Cháu A không yêu cầu sửa chữa màn hình chiếc điện thoại Iphone 8 Plus bị nứt vỡ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trung K và Đinh An D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án; Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Công an huyện Thanh Thủy;
- CQTHAHS;
- Chi cục THA huyện Thanh Thủy;
- UBND xã Đ;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; NĐDHPCBC; NBCCBC;
- Bị hại; NĐDHPCBH; NBVQVLIHPCBH;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

